

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST  
Ngày 03/01/2024.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

**1. Tại điểm cầu trung tâm:**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

**2. Có mặt tại điểm cầu thành phần (Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ):**

**- Đại diện Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ:** Ông Đỗ Hải Long – Thư ký Tòa án.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ; 01 điểm cầu thành phần, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn Th** (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1974; tại: huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Ph, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lê Văn L (đã chết) và bà Lê Thị Ng (đã chết);

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Con: có 03 con (lớn 29 tuổi, nhỏ 20 tuổi);

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2023 đến ngày 29/9/2023 chuyển tạm giam, hiện đang chấp hành lệnh Tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Chị Hà Thị C, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: khu M 2, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn L, xã Ph, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác có mặt tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Hà Văn Th, Đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp và thi hành án thuộc Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ;

2. Ông Hà Đức M, Đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp và thi hành án thuộc Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Hồi 17 giờ 30 ngày 21/9/2023, chị Hà Thị C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 19D1-127.33 chở anh Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1980, thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ đi trên quốc lộ 32 theo hướng từ huyện T, lên huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi đi đến khu vực cầu Ng, xã Thu C, thì gặp Lê Văn Th điều khiển xe mô tô BKS: 88G1 – 327.42 đi từ phía sau vượt lên, chặn trước xe mô tô của chị C, yêu cầu chị C dừng xe lại. Th xuống xe chạy về phía bên kia đường nhặt 01 đoạn gậy gỗ đe dọa đánh chị C nhưng được anh Ph can ngăn nên Th bỏ cây gậy gỗ xuống và chạy đến vị trí của chị C đứng trước đầu xe dùng tay phải tát vào mặt chị C, chị C ngửa đầu ra sau nên không trúng, sau đó, Th giật mạnh chiếc túi chị C đeo chéo trên vai để trước ngực khiến dây đeo túi bị đứt. Lê Văn Th cầm túi mở khoá séc lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh, số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để vào túi quần bên phải, một số giấy tờ cá nhân của chị C và 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng để vào túi áo khoác bên phải.

Sau khi chiếm đoạt các tài sản của chị C, Th yêu cầu chị C trả số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) đã chuyển trước đó nhưng chị C không có tiền. Chị C giật lại chiếc túi trên tay Th và ném xuống đường thì bị Th dùng tay trái túm cổ áo, kéo người chị C khiến chị C bị đứt dây áo ngực và ngã xuống rãnh thoát nước bên lề đường. Thấy chị C bị hành hung, anh Ph đã can ngăn Th, lo sợ bị Th đánh nên chị C bỏ chạy, Th nhặt 02 viên đá cầm trên hai tay rồi ném 01 viên về phía chị C nhưng không trúng.

Lúc này có nhiều người dân vây lại nên Th đã lấy xe mô tô của mình chạy về hướng xã T, huyện T và cầm theo số tài sản đã lấy được, còn chị C đến Công an xã Th, huyện T tố giác hành vi của Lê Văn Th.

Hành vi của Lê Văn Th đã dùng vũ lực tấn công khiến chị C không thể chống cự nhằm chiếm đoạt tài sản của chị C. Trong quá trình điều tra, khởi tố, truy tố và tại phiên Tòa ngày hôm nay, Lê Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

*Vật chứng của vụ án gồm:*

- + Tiền VNĐ: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).
- + 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).
- + 01 (một) gói giấy có nhãn hiệu “TIFFY DEY”, bên trong gói giấy có chứa 01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng đều chế tác dạng 02 (hai) hình tam giác lồng vào nhau, được buộc với nhau bằng sợi chỉ màu hồng.
- + 01 (một) thẻ căn cước công dân số 025181001767 mang tên Hà Thị C;
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132002965 mang tên Hà Thị C;
- + 01 (một) giấy phép lái xe số R000178 mang tên Hà Thị C;
- + 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006903 mang tên chủ xe là Hà Thị C;
- + 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132502186 mang tên Hà Dũng S.
- + 01 chiếc xe mô tô màu đỏ đen, BKS: 88G1 – 327.42 đã cũ, không có yếm, không có chìa khóa;
- + 01 đoạn gậy gỗ cong, dài 280cm và 01 viên đá, chiều dài 9,5cm, bề mặt bám dính bụi đất màu nâu.

## 2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 22/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã Yêu cầu định giá tài sản đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y02T và 01 chiếc túi xách giả da màu nâu là tài sản bị Lê Văn Th chiếm đoạt ngày 21/9/2023 theo khai báo của chị Hà Thị C. Ngày 24/9/2023, Hội đồng định giá thường xuyên huyện T ra Kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS xác định tổng giá trị tài sản tại thời điểm định giá là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 22/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Cướp tài sản” xảy ra ngày 21/9/2023 tại khu Ng, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định truy tìm người đối với Lê Văn Th là đối tượng thực hiện hành vi Cướp tài sản trong vụ án nêu trên. Ngày 26/9/2023, Lê Văn Th đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 21/9/2023.

Ngày 28/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn Th về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015) đồng thời ra Lệnh tạm giam đối với Lê Văn Th.

Ngày 10/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T trung cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định đối với 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng. Ngày 26/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T nhận được Kết luận giám định số 7425/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đề ngày 18/10/2023, kết luận: *“01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng đều chế tác kiểu 02 (hai) hình tam giác lồng vào nhau và buộc các sợi chỉ màu hồng gửi đến giám định có tổng khối lượng 1,22 gam (không tính sợi chỉ) đều là hợp kim vàng (Au), đồng (Cu), bạc (Ag), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình: vàng 40,73%, đồng 37,30%, bạc 12,34%, kẽm 9,63%”.*

Ngày 30/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã Yêu cầu định giá tài sản đối với 01 đôi khuyên tai vàng là vật chứng của vụ án. Ngày 09/11/2023, Hội đồng định giá thường xuyên huyện T ra Kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐGTS xác định tổng giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là 911.340 đồng (Chín trăm mười một nghìn ba trăm bốn mươi đồng)

Ngày 09/11/2023, chị C có đơn xin nhận lại toàn bộ tài sản mà Bị cáo chiếm đoạt, quá trình điều tra Công an huyện T đã xác định là tài sản hợp pháp của chị C nên đã trả lại toàn bộ cho chị C.

Đối với chiếc xe mô tô màu đỏ đen BKS: 88G1 – 327.42 đã cũ không có yếm không có chìa khóa Th đã sử dụng vào ngày 21/9/2023. Cơ quan điều tra xác định là tài sản chung của Bị cáo và chị T1, chị T1 không biết Th sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội. Chị T1 xin nhận lại tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 03/11/2023, chị T1 đã thay Bị cáo bồi thường cho Bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Chị C không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác, chị C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Về tài sản riêng của Bị cáo, theo kết quả xác minh của Công an huyện T thì Bị cáo hiện đang sống chung với vợ trên căn nhà xây tạm, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng có giá trị.

### 3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- Tại Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS- TS ngày 18/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Lê Văn Th về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của BLHS năm 2015.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của

BLHS năm 2015 tuyên bố Bị cáo Lê Văn Th phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt Bị cáo Lê Văn Th từ 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26/9/2023).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ điều 584, 586, 590 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bị cáo và chị C. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường để bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận, chị T1 đã thay Bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Chị C không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 01 chiếc xe mô tô màu đỏ đen, BKS: 88G1 – 327.42 đã cũ, không có yếm, không có chìa khóa;

- Tịch thu, tiêu hủy một đoạn gậy gỗ cong, dài 280cm và 01 viên đá, chiều dài 9,5cm, bề mặt bám dính bụi đất màu nâu.

- Xác nhận ngày 09/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chị Hà Thị C các tài sản gồm:

+ Tiền VNĐ: 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

+ 01 (một) gói giấy có nhãn hiệu “TIFFY DEY”, bên trong gói giấy có chứa 01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng đều chế tác dạng 02 (hai) hình tam giác lồng vào nhau, được buộc với nhau bằng sợi chỉ màu hồng.

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số 025181001767 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132002965 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy phép lái xe số R000178 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006903 mang tên chủ xe là Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132502186 mang tên Hà Dũng S.

4. *Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã Th hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, Bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, đồng thời phù hợp với lời khai của Bị hại cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ 30 ngày 21/9/2023, tại khu Ng, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Lê Văn Th, đã đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt của chị Hà Thị C 01 chiếc túi da màu nâu mà chị đang đeo chéo qua vai trước ngực. Trong túi của chị C, Th đã lấy các tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh, tiền mặt 100.000 đồng (một trăm nghìn), một số giấy tờ cá nhân và 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng có tổng giá trị là: 3.761.340 đồng (Ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên vẫn cố ý Th hiện.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Lê Văn Th đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 168 quy định:

*“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.”*

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu về tài sản của con người là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, hành vi của Bị cáo làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử lý Bị cáo nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

- *Về nhân thân:* Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động tích cực đến gia đình để bồi thường, khắc phục thiệt hại cho Bị hại; Bị hại có nguyện vọng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo; sau khi xảy ra vụ án, Bị cáo đã đến Cơ quan công an đầu thú; đồng thời Bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn L là thương binh. Vì vậy, Bị cáo được hưởng 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

*Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:* Hành vi phạm tội của Bị cáo là rất nghiêm trọng, chỉ vì mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, Bị cáo đã bất chấp hậu quả xấu gây ra cho xã hội, cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt Bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt và ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS năm 2015 thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Xét thấy, Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, cần miễn hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Bị cáo Th, chị Nguyễn Thị T1 là vợ Bị cáo Th và chị C đã thống nhất thỏa thuận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường để bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 03/11/2023 chị Nguyễn Thị T1 đã dùng tài sản chung của vợ chồng thay Bị cáo bồi thường cho chị Hà Thị C số tiền 2.000.000 đồng. Nay chị C không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác, cần xác nhận là phù hợp.

Chị Nguyễn Thị T1 không yêu cầu Bị cáo có trách nhiệm trả lại số tiền chị đã thay Bị cáo bồi thường cho chị C.

[4] Về xử lý vật chứng:

Ngày 9/11/2023, chị C có đơn xin nhận lại toàn bộ tài sản mà Bị cáo chiếm đoạt, quá trình điều tra Công an huyện T đã xác định là tài sản hợp pháp của chị C nên đã trả lại toàn bộ cho chị C. Nay cần xác nhận là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô màu đỏ đen BKS: 88G1 – 327.42 đã cũ không có yếm không có chìa khóa Th đã sử dụng vào ngày 21/9/2023. Cơ quan điều tra xác định là tài sản chung của Bị cáo và chị T1, chị T1 không biết Th sử dụng để đi Th hiện hành vi phạm tội. Chị T1 xin nhận lại tài sản, cần trả lại cho chị T1 là phù hợp.

Đối với 01 đoạn gậy gỗ cong, dài 280cm và 01 viên đá, chiều dài 9,5cm, bề mặt bám dính bụi đất màu nâu là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên, Bị hại tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### *1. Căn cứ kết tội, tội danh:*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

- Tuyên bố Bị cáo Lê Văn Th phạm tội “*Cướp tài sản*”.

#### *2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:*

- Xử phạt Bị cáo Lê Văn Th 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 26/9/2023).

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

#### *3. Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ điều 584, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bị cáo và chị C. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Xác nhận, chị T1 đã thay Bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền 2.000.000 đồng. Chị C không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác.

*4. Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 01 chiếc xe mô tô màu đỏ đen, BKS: 88G1 – 327.42 đã cũ, không có yếm, không có chìa khóa;

- Tịch thu, tiêu hủy một đoạn gậy gỗ cong, dài 280cm và 01 viên đá, chiều dài 9,5cm, bề mặt bám dính bụi đất màu nâu.

Vật chứng đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 22/12/2023.

- Xác nhận ngày 09/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chị Hà Thị C các tài sản gồm:

+ Tiền VNĐ: 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

+ 01 (một) gói giấy có nhãn hiệu “TIFFY<sub>DEY</sub>”, bên trong gói giấy có chứa 01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng đều chế tác dạng 02 (hai) hình tam giác lồng vào nhau, được buộc với nhau bằng sợi chỉ màu hồng.

+ 01 (một) thẻ căn cước công dân số 025181001767 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132002965 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy phép lái xe số R000178 mang tên Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006903 mang tên chủ xe là Hà Thị C;

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132502186 mang tên Hà Dũng Sỹ.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Lê Văn Th phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Hồng Mai**